TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 – Đồng Nai
Điện Thoại: 02513.560614; Fax: 02513.560610
Website:www.idico-udico.com.vn

QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-CT ngày 01/10/2021 của HĐQT Công ty)

Đồng Nai, tháng 10 năm 2021

TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO

Số: 26 /QĐ-CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng nai, ngày 01 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "***Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO***" gồm 14 Chương 14 Điều.

(Quy chế kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các Phòng liên quan Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: HĐQT, VPTH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3600486... CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO H. NHƠN TRẠCH T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Cao Nguyên

TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 01 tháng 10 năm 2021

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021 của Hội đồng quản trị Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người công bố thông tin.

b) Các bộ phận liên quan gồm: Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Phòng tài chính kế toán.

c) Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Căn cứ pháp lý/Tài liệu tham khảo

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14/7/2021;

- Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK Tp. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/8/2016 của Tổng giám đốc SGDCK TPHCM;

- Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO.

Điều 3. Các chữ viết tắt

Công ty	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
IDS PRO	Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
SGDCKHCM/HOSE	Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
ECM	Hệ thống quản lý tài liệu điện tử thuộc Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
TTCKVN	Thị trường Chứng khoán Việt Nam
CBTT	Công bố thông tin
HĐQT	Hội đồng quản trị
BCTC	Báo cáo tài chính
CĐL	Cổ đông lớn
CPQ	Cổ phiếu quỹ
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
CTĐC	Công ty đại chúng
NNB	Người nội bộ
NCLQ	Người có liên quan

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Người nội bộ của Công ty là:

- Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm.

- Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

- Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

2. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống CBTT của UBCKNN,

phương tiện CBTT của SGDCKHCM hoặc ngày UBCKNN, SGDCKHCM nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

5. Bản scan văn bản dùng công bố thông tin phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

6. Dữ liệu điện tử dùng công bố thông tin là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).

7. Người công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được uỷ quyền CBTT. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin. Công ty phải thực hiện CBTT cho UBCKNN, HOSE trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực.

8. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó.

b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó.

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát.

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó.

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia.

f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14.

9. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng CBTT theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội

dung thông tin đã công bố, Đối tượng CBTT phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi CBTT, Đối tượng CBTT theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCKHCM về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCKHCM 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCKHCM thực hiện công khai thông tin.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.(*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS Pro.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - Hệ thống ECM
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
		Báo in, Báo điện tử,v.v…

(*) Lưu ý:

- Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện CBTT trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ .

- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký CTĐC phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm;

- Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu 05 năm.

CHƯƠNG II
NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Lưu đồ thực hiện

Áp dụng đối với các bộ phận liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này.

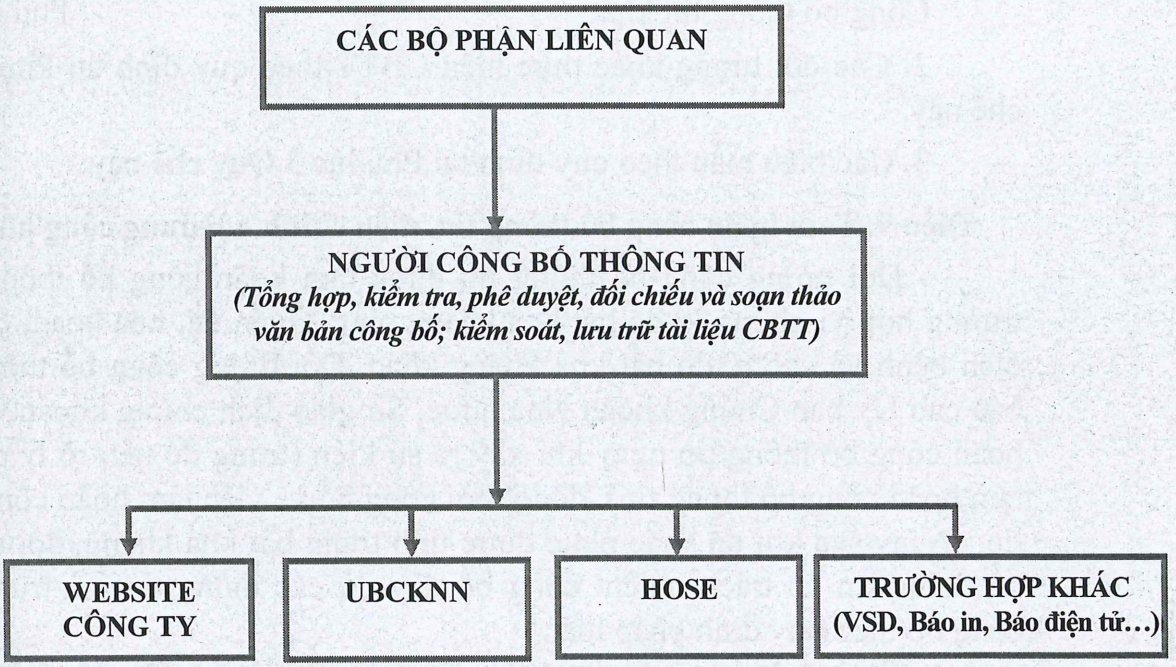

Áp dụng đối với các đối tượng khác (**)

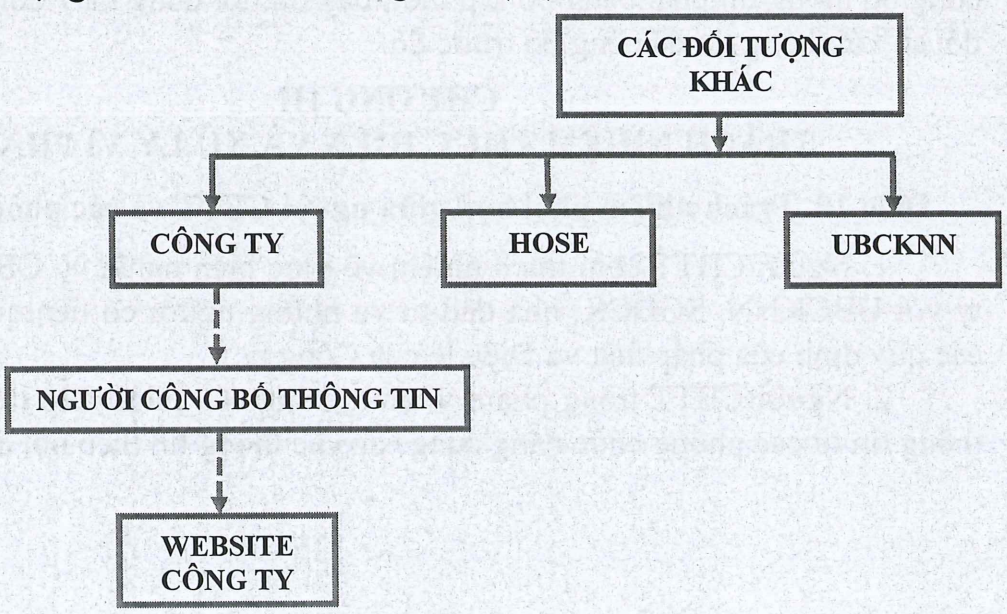

Ghi chú: ⟶ *: Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HOSE*

⇢ *: Người CBTT tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty.*

(**) Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 8. Các nội dung công bố thông tin

1. Các bộ phận liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này thực hiện CBTT theo quy định theo từng Phụ lục cụ thể trong Quy chế này:

Công bố thông tin định kỳ	Phụ lục 1.1
Công bố thông tin bất thường	Phụ lục 1.2
Công bố thông tin khác	Phụ lục 1.3

2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế này.

3. Các biểu mẫu theo quy định tại Phụ lục 3 Quy chế này.

Điều 9. Tạm hoãn công bố thông tin, điều chỉnh nội dung công bố thông tin

- Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin; Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

- Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

CHƯƠNG III
TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 10. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng liên quan

1. Người CBTT chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế

này. Trưởng các phòng chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người CBTT.

3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người CBTT trong vòng 20 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện CBTT.

4. Người CBTT phải giám sát việc CBTT và báo cáo HĐQT kết quả thực hiện.

Điều 11. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về Công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế CBTT này.

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Giám đốc, Giám đốc sẽ báo cáo HĐQT xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 12. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Các Đối với vi phạm phát sinh từ người CBTT: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của HĐQT.

2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Giám đốc.

Điều 13. Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ CBTT của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

3. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được HĐQT thông qua.

CHƯƠNG IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 04 Chương 14 Điều được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO thông qua và chấp thuận hiệu lực toàn văn Quy chế này.

2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Cao Nguyên

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS;
- Giám đốc, các PGĐ;
- Các Phòng, Đơn vị trực thuộc;
- Các B/p, cá nhân liên quan;
- Lưu VPTH, HĐQT.

TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
HƯỚNG DẪN CÔNG BỐ THÔNG TIN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 26 /QĐ-CT ngày 01/10/2021)

PHỤ LỤC 1.1 : CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN	BỘ PHẬN CUNG CẤP THÔNG TIN
I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH				
1	Báo cáo tài chính quý	Trong thời hạn **20 ngày** kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn **19 ngày** kể từ ngày kết thúc quý	Tài chính kế toán
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn **05 ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo nhưng không được vượt quá **45 ngày** kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Trong thời hạn **04 ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo nhưng không được vượt quá **44 ngày** kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Tài chính kế toán
3	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo nhưng không được vượt quá **90 ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trong thời hạn **09 ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo nhưng không được vượt quá **89 ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Tài chính kế toán
4	***Chú ý khi công bố thông tin Báo cáo tài chính phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:*** - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	Công bố thông tin ***đồng thời*** với Báo cáo tài chính cần giải trình	Cung cấp thông tin ***đồng thời*** với Báo cáo tài chính cần giải trình	Tài chính kế toán

	báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.			
II. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN				
5	Báo cáo thường niên	Chậm nhất **20 ngày** sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá **110 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Chậm nhất **18 ngày** sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá **108 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Tài chính kế toán
III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY				
6	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất **30 ngày**, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất **28 ngày**, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	HĐQT
7	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất **30 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Chậm nhất **28 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	HĐQT
8	Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty theo Mẫu CBTT/SGDHCM-03: - Một bản báo cáo - Một bản dữ liệu điện tử theo định dạng Excel	Gửi kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty đến Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh		HĐQT
IV. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG				
9	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu **20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu **19 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng	HĐQT
10	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất **21 ngày** trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ *(Nếu Điều lệ Công ty không quy định*	Chậm nhất **20 ngày** trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ *(Nếu Điều lệ Công ty không quy định*	HĐQT

		thời hạn khác dài hơn)	*thời hạn khác dài hơn)*	
11	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội *Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.*	Trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Trong thời hạn **20 giờ** kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	HĐQT
V. LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN				
12	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Tối thiểu **20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu **19 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng	HĐQT
13	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất **10 ngày** trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến *(Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)*	Chậm nhất **09 ngày** trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến *(Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)*	HĐQT
14	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ *Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.*	Trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Trong thời hạn **20 giờ** kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	HĐQT
VI. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ PHIẾU QUỸ				
15	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ tại thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất là ngày **10/06** *(Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất **trước ngày 31/05**)*	Chậm nhất là ngày **09/06** *(Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất **trước ngày 31/05**)*	Ban giám đốc
16	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch	Chậm nhất là ngày **10/12** *(Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất **trước ngày 30/11**)*	Chậm nhất là ngày **09/12** *(Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất **trước ngày 30/11**)*	Ban giám đốc

PHỤ LỤC 1.2 : CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN	BỘ PHẬN CUNG CẤP THÔNG TIN
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	Tài chính kế toán
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	Ban giám đốc
3	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	Ban giám đốc
4	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	Ban giám đốc
5	Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
6	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
7	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
8	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT

	tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.			
9	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp. phá sản doanh nghiệp;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
10	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
11	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
12	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
13	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
14	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
15	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	Ban giám đốc
16	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	Ban giám đốc
17	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	Ban giám đốc
18	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	Ban giám đốc
19	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT

20	Công ty đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính phải công bố thông tin sau khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký lại loại báo cáo tài chính khi thay đổi mô hình công ty (do tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết, dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc thành lập, giải thể đơn vị trực thuộc) theo mẫu **CBTT/SGDHCM-07.**	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	Ban giám đốc
21	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
22	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
-	- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
-	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT

-	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
22	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
23	Công ty nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty)	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
24	Công ty gửi (Bản cứng) cho UBCKNN Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	Ban giám đốc
25	Công ty gửi cho SGDCK Bản cung cấp thông tin (trường hợp bổ nhiệm người nội bộ mới) theo **Phụ lục số 03** kèm theo và Danh sách người nội bộ và người có liên quan theo mẫu **CBTT/SGDHCM-05.**	Trong vòng **03 ngày làm việc** kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi người nội bộ	Trong vòng **02 ngày làm việc** kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi người nội bộ	Ban giám đốc
26	Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty báo cáo cho SGDCK về thay đổi người có liên quan của người nội bộ theo mẫu **CBTT/SGDHCM-06**.	Trong vòng **03 ngày làm việc** kể từ ngày thay đổi	Trong vòng **02 ngày làm việc** kể từ ngày thay đổi	Ban giám đốc
27	Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, tổ chức niêm yết thực hiện công bố đơn xin từ	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT

	nhiệm Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đơn xin từ nhiệm.			
28	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
29	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	Ban giám đốc
30	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	Ban giám đốc
31	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	Ban giám đốc
32	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	Ban giám đốc
33	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	Ban giám đốc
34	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
35	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
36	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT

37	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
38	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 20 giờ	HĐQT
39	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn **10 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Trong thời hạn **09 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Tài chính kế toán
40	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền	- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/nghị quyết và công bố thông tin Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.		Ban giám đốc

PHỤ LỤC 1.3 : CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

STT	NỘI DUNG CBTT	THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN	BỘ PHẬN CUNG CẤP THÔNG TIN
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU				
1	Theo yêu cầu của UBCKNN, SDGCK khi:			

-	1) Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 20 giờ từ khi nhận được yêu cầu	HĐQT
-	2) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 20 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Ban giám đốc
B. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU				
1	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	Chậm nhất **20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)	Chậm nhất **19 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)	HĐQT
		Chậm nhất **10 ngày làm việc** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	Chậm nhất **09 ngày làm việc** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	HĐQT
2	Tổ chức niêm yết gửi cho SGDCK TP HCM (HOSE) các tài liệu sau: a. Một (01) bản tóm tắt sổ cổ đông của công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền theo mẫu **CBTT/SGDHCM-09**. b. Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.	Trong vòng **15 ngày** kể từ ngày đăng ký cuối cùng	Trong vòng **14 ngày** kể từ ngày đăng ký cuối cùng	Ban giám đốc
3	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và	Trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất **05 ngày làm việc** trước ngày đăng ký cuối cùng.	Trong thời hạn **20 giờ** kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất **05 ngày làm việc** trước ngày đăng ký cuối cùng	HĐQT

	gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy.			
C. CÔNG BỐ THÔNG VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC				
1	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán		HĐQT
2	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCKVN		Ban giám đốc
3	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ		HĐQT
4	- Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán		Tài chính kế toán

TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
HƯỚNG DẪN CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 26 /QĐ-CT ngày 01/10/2021)

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

- Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK theo mẫu quy định tại **Mẫu 14 - CĐL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN, SGDCK theo **Mẫu 15 CĐL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

*Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. **Ngày T**, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X **từ 5,2% lên 5,7%**. Tiếp sau đó, vào **ngày T'**, ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ **5,7% lên 6,1%**. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịchchứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.*

- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

- Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK khi **giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển**

nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu) theo **Mẫu 16- GD NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quychế này.

- Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK*(Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai).*

Ghi chú: NNB của Công ty và NCLQ của NNBkhông được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về kết quả giao dịch theo **Mẫu 17 – GD NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

3. Ghi chú

- NNB của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định.

- Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

- Trường hợp công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên…), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công tythực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định đối với người nội bộ.

- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của Công ty và NCLQ của NNB .

TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3
CÁC MẪU BIỂU
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 26 /QĐ-CT ngày 01/10/2021)

STT	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
1	Mẫu 01 – BCTN	Mau 01 - BCTN.docx	Báo cáo thường niên *(Phụ lục IV của Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*
2	Mẫu 02 – BCCTT	Mau 02 - BCCTT.docx	Bản cung cấp thông tin người nội bộ *(Phụ lục III của Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*
3	Mẫu 03 – BCQT	Mau 03 - BCQT.docx	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm *(Phụ lục V của Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*
4	Mẫu 04 - BC	Mau 04 - BC.docx	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán *(Mẫu số 01 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)*
5	Mẫu 05 - THQ	Mau 05 - THQ	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu *(Quyết định 02 /QĐ-VSD ban hành ngày 02 tháng 01 năm 2020)*
6	Mẫu 06 - DS	Mau 06 - DS.docx	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty *(Mẫu CBTT/SGDHCM-04 của Quyết định số 340 /QĐ-SGDHCM)*
7	Mẫu 07 - CCTT	Mau 07 - CCTT.docx	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty *(Mẫu CBTT/SGDHCM-03 của Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)*
8	Mẫu 08 - DSNNB	Mau 08 - DS.docx	Danh sách người nội bộ và những người có liên quan *(Mẫu CBTT/SGDHCM-05 của Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)*

STT	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
9	Mẫu 09 - TB	Mau 09 - TB.docx	Thay đổi người có liên quan của người nội bộ *(Mẫu CBTT/SGDHCM-06 của Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)*
10	Mẫu 10 - DK	Mau 10 - DK.docx	Đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính *(Mẫu CBTT/SGDHCM-07 của Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)*
11	Mẫu 11 - TDCP	Mẫu 11 - TDCP.docx	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành *(Mẫu CBTT/SGDHCM-08 của Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)*
12	Mẫu 12 - TTSCD	Mau 12 - TTSCD.docx	Tóm tắt sổ cổ đông của công ty *(Mẫu CBTT/SGDHCM-09 của Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)*
13	Mẫu 13 - CBTT	Mau 13 - CBTT.docx	Công bố thông tin bất thường *(Mẫu CBTT/SGDHCM-02 của Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM)*
14	Mẫu 14 - CĐL	Mau 14 - CDL.docx	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn *(Phụ lục VII của Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*
15	Mẫu 15 - CĐL	Mau 15 -CDL.docx	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết *(Phụ lục VIII của Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*
16	Mẫu 16 - GD NNB	Mau 16 -NNB.docx	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của của người nội bộ *(Phụ lục XIII của Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*
17	Mẫu 17 - GD NNB	Mau 17 - NNB.docx	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ *(Phụ lục XV của Thông tư số 96/2020/TT-BTC)*